


<p>CHƯƠNG 1</p> <p>BẢN CHẤT VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA</p> <p>KẾ TOÁN</p>

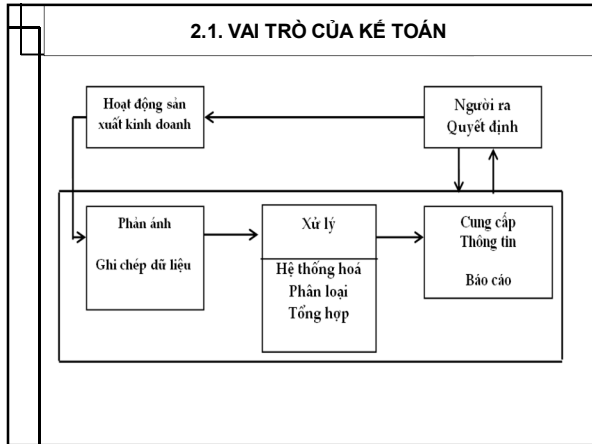

CHƯƠNG 1
<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Nắm vững khái niệm, vai trò và chức năng của kế toán, phân loại về kế toán</i> • <i>Xác định và phân loại được các đối tượng của kế toán</i> • <i>Nắm vững các nguyên tắc, yêu cầu kế toán cơ bản và các phương pháp kế toán để làm cơ sở nghiên cứu các chương tiếp theo</i>

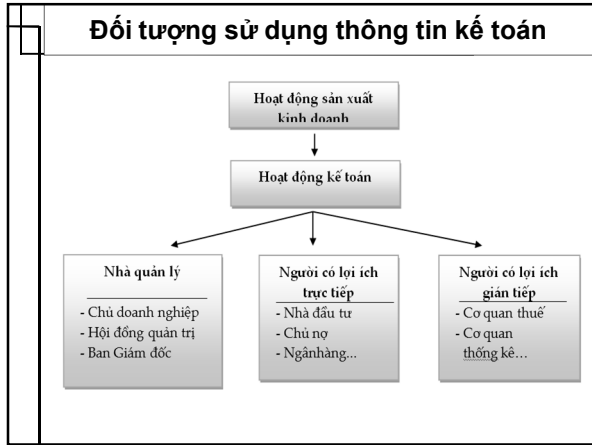
I. BẢN CHẤT CỦA KẾ TOÁN
<p>1. Khái niệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Theo Gene Alle Gohlke, Giáo sư, tiến sỹ viện Đại học Wisconsin: <i>“Kế toán là một khoa học liên quan đến việc ghi nhận, phân loại tóm tắt và giải thích các nghiệp vụ tài chính của một tổ chức, giúp ban giám đốc có thể dựa vào đó mà làm quyết định”.</i> • Theo Robert Anthony, Giáo sư, tiến sỹ đại học Harvard: <i>“Kế toán là ngôn ngữ của việc kinh doanh”.</i>

	1. KHÁI NIỆM
	<ul style="list-style-type: none"> Theo Ủy ban thực hành kiểm toán quốc tế (IAPC) thì: <i>“Một hệ thống kế toán là hàng loạt các nhiệm vụ ở một doanh nghiệp mà nhờ hệ thống này, các nghiệp vụ được xử lý như một phương tiện duy trì các ghi chép tài chính”.</i>

	1. KHÁI NIỆM
	<ul style="list-style-type: none"> Theo Liên đoàn quốc tế về kế toán: <i>“Kế toán là nghệ thuật ghi chép, phân loại và tổng hợp theo một cách riêng có bằng tiền các nghiệp vụ, sự kiện có tính chất tài chính và giải thích kết quả của nó”</i>

	1. KHÁI NIỆM
<ul style="list-style-type: none"> Luật kế toán Việt Nam 2003: <i>”Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động”</i> <div data-bbox="219 1669 706 1837">  </div>	

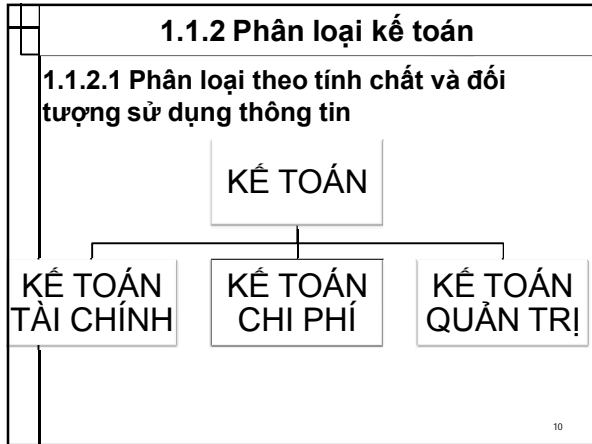




1.3. CHỨC NĂNG CỦA KẾ TOÁN

- Chức năng thông tin (phản ánh):


- Chức năng kiểm tra (giám đốc):



Kế toán tài chính

- “**Kế toán tài chính** là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán”.

(Luật Kế toán năm 2003)




11

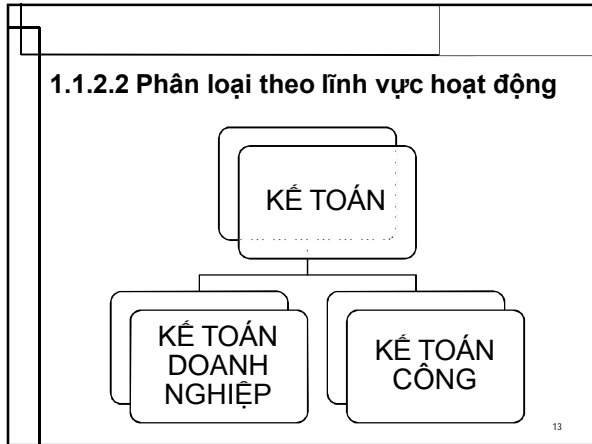
Kế toán quản trị

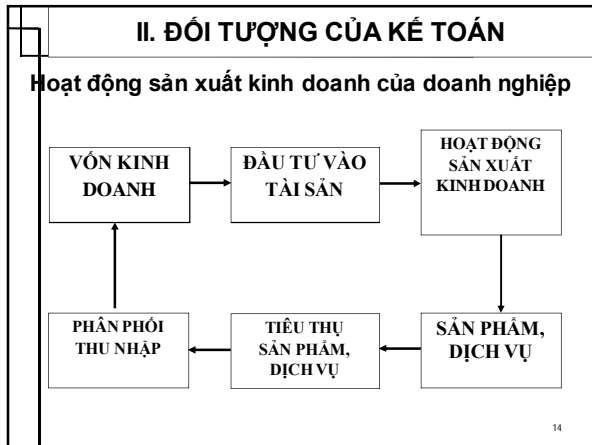
- “**Kế toán quản trị** là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán”.

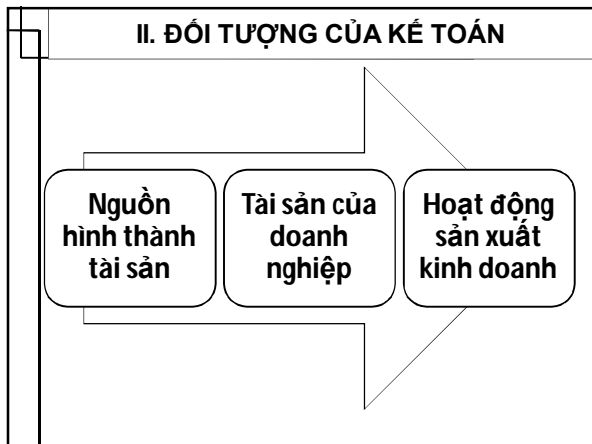
(Luật Kế toán năm 2003)




12







2.1. TÀI SẢN



2.1. TÀI SẢN

- Tài sản ngắn hạn:

- Tài sản dài hạn:

2.1.1. TÀI SẢN NGẮN HẠN

Tài sản bằng tiền	Các khoản đầu tư ngắn hạn	Các khoản phải thu	Hàng tồn kho	Tài sản ngắn hạn khác

2.1.2. TÀI SẢN DÀI HẠN	
<input type="radio"/>	Tài sản cố định hữu hình
<input type="radio"/>	Tài sản cố định vô hình
<input type="radio"/>	Tài sản cố định thuê tài chính
<input type="radio"/>	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn
<input type="radio"/>	Tài sản dài hạn khác

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	
<ul style="list-style-type: none"> • Tài sản cố định vô hình: 	
<ul style="list-style-type: none"> • Tài sản cố định vô hình: 	

Tiêu chuẩn của TSCĐHH và TSCĐVH	
<ul style="list-style-type: none"> • Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó • Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy: 	
Nguyên giá (TSCĐ)	$= \text{Giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá)} + \text{Chi phí liên quan (Chi phí chuẩn bị mặt bằng, Chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử)}$
<ul style="list-style-type: none"> • Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm • Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành 	

Tài sản cố định thuê tài chính
<p>Tài sản cố định thuê tài chính là tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.</p>

Ví dụ
<p>Xét 2 trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp 1: Doanh nghiệp A thuê của doanh nghiệp vận tải B một chiếc ô tô trong thời gian là 10 năm (thời gian sử dụng hữu ích của chiếc ô tô này dự tính là được 13 năm) với giá tiền là 500 triệu đồng. • Trường hợp 2: Vẫn doanh nghiệp A đó thuê của doanh nghiệp vận tải B đó một chiếc ô tô trong thời gian là 3 ngày để đưa cán bộ, công nhân viên đi tham quan. <p>Trong 2 trường hợp trên, theo bạn trường hợp nào là thuê tài chính?</p>

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn
<p>Là giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn với mục đích kiếm lời như:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bất động sản đầu tư • Đầu tư vào công ty con: góp vốn, mua cổ phiếu của công ty con • Góp vốn liên Doanh • Đầu tư vào công ty liên kết: hình thức đầu tư bằng cổ phiếu hoặc vốn góp mà số vốn từ 20 – 50% • Đầu tư dài hạn khác: đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, đầu tư dài hạn khác...

Tài sản dài hạn khác

Doanh nghiệp còn có thể có một số loại tài sản dài hạn như:

- *Xây dựng cơ bản dở dang*
- *Chi phí trả trước dài hạn*
- *Ký cược, ký quỹ dài hạn*

2.2. NGUỒN HÌNH THÀNH TÀI SẢN (NGUỒN VỐN)

The diagram illustrates the formation of 'Nguồn vốn' (Source of funds) as the sum of 'Nợ phải trả' (Debt) and 'Vốn chủ sở hữu' (Equity). It features three circles: a top-left circle with 'Nợ phải trả', a bottom-left circle with 'Vốn chủ sở hữu', and a larger central circle with 'Nguồn vốn'. A plus sign and an arrow point from the two left circles towards the central circle.

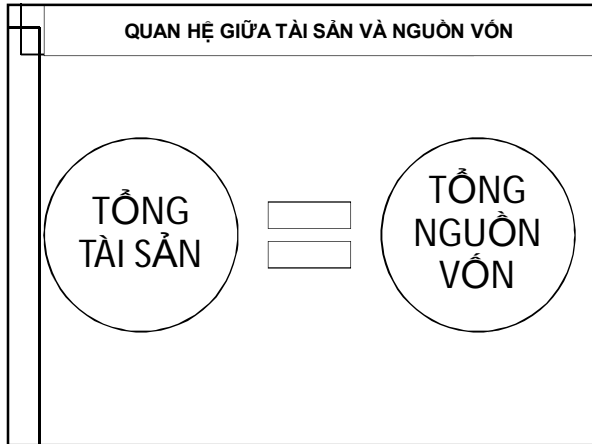
2.2.1. Nợ phải trả

An illustration of a man in a white shirt and tie, carrying a large, heavy sack labeled 'DEBT' on his back. The sack is overflowing with money symbols (\$). The background is a pattern of smaller money symbols.

2.2.1. Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	Nợ dài hạn

2.2.2. Nguồn vốn chủ sở hữu	
<ul style="list-style-type: none"> • Là nguồn vốn quan trọng do chủ sở hữu doanh nghiệp bỏ ra để tạo nên các loại tài sản trong doanh nghiệp nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. • Nguồn vốn chủ sở hữu là nguồn vốn dài hạn, ổn định và không có thời hạn thanh toán xác định, sẽ được sử dụng trong suốt quá trình hoạt động, tồn tại của doanh nghiệp. 	

2.2.2. Nguồn vốn chủ sở hữu	

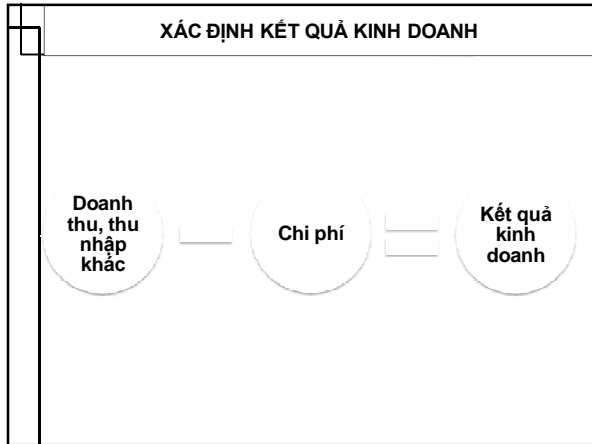


2.2.3. SỰ VẬN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN

Doanh thu và thu nhập khác:

2.2.3. SỰ VẬN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN

Chi phí:



III. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN

- Các yêu cầu cơ bản đối với thông tin kế toán
- Nguyên tắc kế toán
- Các phương pháp kế toán

3.1. CÁC YÊU CẦU CƠ BẢN ĐỐI VỚI THÔNG TIN KẾ TOÁN

- *Trung thực*
- *Khách quan*
- *Đầy đủ*
- *Kịp thời*
- *Dễ hiểu*
- *Có thể so sánh*

3.2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN
<ul style="list-style-type: none">• Cơ sở dồn tích• Hoạt động liên tục• Giá gốc (giá phí)• Phù hợp• Nguyên tắc nhất quán• Nguyên tắc thận trọng• Nguyên tắc trọng yếu

3.3. CÁC PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN
<ul style="list-style-type: none">• Phương pháp chứng từ kế toán• Phương pháp tài khoản• Phương pháp ghi sổ kép• Phương pháp tính giá• Phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán

3.3.1. Phương pháp chứng từ kế toán
<p>là phương pháp kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và thực sự hoàn thành theo thời gian cũng như địa điểm phát sinh nghiệp vụ đó vào các bản chứng từ kế toán và sử dụng các chứng từ vào công tác kế toán, công tác quản lý.</p>

3.3.2. Phương pháp tài khoản

- Tài khoản kế toán là phương pháp kế toán phân loại các đối tượng kế toán để phản ánh và kiểm tra một cách thường xuyên, liên tục và có hệ thống tình hình hiện có và sự vận động của từng đối tượng kế toán.
- Tập hợp các tài khoản được sử dụng trong một doanh nghiệp được gọi là **một hệ thống tài khoản kế toán.**

3.3.3. Phương pháp ghi sổ kép

Ghi sổ kép là phương pháp kế toán dùng để ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và **ít nhất hai tài khoản kế toán** theo mối quan hệ **đối ứng, biện chứng** giữa các đối tượng kế toán trong nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

3.3.4. Phương pháp tính giá

Tính giá là phương pháp kế toán **sử dụng thước đo tiền tệ** để xác định giá trị của tài sản trong đơn vị theo những nguyên tắc nhất định.

3.3.5. Phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán

Tổng hợp cân đối kế toán là phương pháp tổng hợp số liệu từ các **sổ kế toán** theo các mối **quan hệ cân đối vốn có của kế toán** để lập các báo cáo kế toán nhằm cung cấp thông tin phục vụ **công tác quản lý** trong doanh nghiệp và **cung cấp thông tin** cho các đối tượng khác cần sử dụng.

KẾT THÚC CHƯƠNG 1

CHÚC CÁC BẠN THÀNH CÔNG